

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- Đ
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HSST

Ngày: 21 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Hoan

2. Ông Vũ Văn Quỳnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Trí Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tòng Văn T**; Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 12/6/1993, tại tỉnh Đ;

Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản M, xã X, huyện M, tỉnh Đ (Nay là Bản M, xã M, tỉnh Đ).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; Trình độ văn hoá: 09/12 phổ thông; Con ông: Tòng Văn K; Con bà: Tòng Thị H; Vợ: Lò Thị T (Đã ly hôn), con: Có 01 con, sinh năm 2014; Tiền án; Có 01 tiền án: Ngày 18/7/2023, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/10/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, cho đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xoá án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/8/2020, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, với thời hạn 20 tháng, theo quyết định số: 12/2020/QĐ-TA ngày 26/8/2020, đến lần phạm tội này, bị cáo được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử

lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 25/4/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/4/2025, bị cáo Tòng Văn T đi bộ từ nhà đến bản Khén, xã X, huyện M (nay là xã M, tỉnh Đ) tìm mua ma túy để sử dụng. Khi bị cáo đi đến bản Khén thì gặp và mua của một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết, được 01 gói ma túy có đặc điểm bên ngoài gói bằng một mảnh nilon màu xanh, bên trong có các cục chất bột màu trắng đục, với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo cất giấu vào trong túi quần bên phải, phía trước đang mặc rồi đi bộ về nhà.

Hồi 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị cáo đang đi bộ tại khu vực bản M, xã X, huyện M, tỉnh Đ (Nay là xã M, tỉnh Đ) thì bị tổ công tác Công an xã X (Nay là xã M) phát hiện bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine, bị cáo mua với mục đích để bản thân sử dụng.

Tại biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 08 giờ 35 phút, ngày 26/4/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và kết luận giám định số: 374/KL-KTHS ngày 30/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất màu trắng đục dạng cục và dạng bột, thu giữ của Tòng Văn T gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng: 0,14 gam.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSKV1 ngày 21/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ đã truy tố bị cáo Tòng Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tòng Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 01 năm 05 tháng đến 01 năm 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 0,08 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu xanh, 01 vỏ phong bì cũ dùng để niêm phong vật chứng ban đầu. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tòng Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 23 giờ 30 phút ngày 25/4/2025, tại khu vực bản M, xã X, huyện M, tỉnh Đ (Nay là xã M, tỉnh Đ), Tòng Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,14 gam Heroine trên người, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 45 phút ngày 25/4/2025, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 08 giờ 35 phút, ngày 26/4/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và kết luận giám định số: 374/KL-KTHS ngày 30/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 0,14 gam Heroine, với mục đích để sử dụng của bị cáo Tòng Văn T là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 18/7/2023, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/10/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, cho đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xoá án tích, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 26/8/2020, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 20 tháng, theo quyết định số: 12/2020/QĐ-TA ngày 26/8/2020 đến lần phạm tội này, bị cáo được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai

nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người sử dụng ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Người đàn ông dân tộc Thái không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, nhưng bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Vật chứng: Đối với 0,08 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cất tàng trữ, 01 mảnh nilon màu xanh, 01 vỏ phong bì cũ dùng để niêm phong vật chứng ban đầu, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Tòng Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Tòng Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (25/4/2025).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heorine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu xanh, 01 vỏ phong bì cũ dùng để niêm phong vật chứng ban đầu (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ và phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Đ, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/8/2025).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1- Đ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh ĐB;
- Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh ĐB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

-

